TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 26/7/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bồ Quốc Khánh;
2. Ông Đoàn Văn Lước**.**

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Mỹ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/KDTM-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty H; địa chỉ: Số 30 đường T.25, ấp 6, xã X, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Sỹ H, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Phan Huy T, cùng địa chỉ: Số 10 Lô 26 Khu công viên Q, phường C, Quận Y, Thành Phố H. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty P; địa chỉ: Số V, khu phố 4, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn B, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số V, khu phố 4, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn Công ty H do bà Huỳnh Thị Mỹ H và ông Phan Huy T- làm đại diện, có đơn xin vắng mặt, trình bày:

Ngày 01/01/2020, Công ty H (Gọi tắt là Công ty H) và Công ty P (Gọi tắt là "Công ty P") ký Hợp đồng kinh tế số 01012020/HĐTG-ĐNTP (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") *(Đính kèm 01: Hợp đồng số 01012020/HĐTG-ĐNTP ngày 01/01/2020)* để cung cấp sắt thép. Thực hiện theo như thoả thuận, Công ty H đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty P theo như cam kết.

Thực hiện theo như thoả thuận, Công ty H đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty P. Về phía Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng, không thanh toán toàn bộ giá trị hóa đơn cho Công ty H.

Ngày 12/4/2022, Công ty P và Công ty H đã ký kết Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ (*Đính kèm 02: Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 12/4/2022)*, theo đó, Công ty P xác nhận còn nợ Công ty H số tiền là 301.331.800 đồng (Ba trăm lẻ một triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn, tám trăm đồng).

Ngày 10/9/2022, Công ty P thanh toán cho Công ty H số tiền là 58.909.091 đồng. Số tiền nợ gốc Công ty P còn nợ Công ty H là 242.422.709 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng).

Ngoài ra, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 có quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Trong quá trình thực hiện, Công ty P đã vi phạm thời hạn thanh toán, do đó, Công ty P có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả phát sinh cho Công ty H theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ. Theo đó, số tiền lãi chậm trả phát sinh (tạm tính đến ngày 12/10/2022) là 52.181.405 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi chậm trả phát sinh (tạm tính đến ngày 12/10/2022) là 294.604.114 đồng.

Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng như thỏa thuận phương án trả nợ. Tuy nhiên, Công ty P vẫn không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Công ty H. Đến nay số tiền nợ này đã quá lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chúng tôi, do vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P thanh toán cho Công ty chúng tôi số tiền là: Nợ gốc: 242.422.709 đồng; Lãi chậm trả (tạm tính đến 12/10/2022): 52.181.405 đồng; Tổng cộng: 294.604.114 đồng *(Hai trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, một trăm mười bốn đồng).*

Sau khi Toà án thụ lý vụ án, đã có triệu tập bị đơn Công ty P - người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn B đến để hoà giải nhưng bị đơn không đến nhưng bị đơn có thanh toán cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng): Ngày 29/10/2022 trả 50.000.000 đồng; ngày 26/11/2022 trả 50.000.000 đồng; ngày 21/4/2023 thanh toán 30.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 112.422.709 đồng và tiền lãi cho đến ngày 26/7/2023 là 52.756.196 đồng, tổng cộng 165.178.905 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm lẻ năm đồng).

Đối với bị đơn: Đã được nguyên đơn thông báo về việc khởi kiện. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án uỷ thác tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông

báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và người đại diện hợp pháp cho bị đơn là ông Lê Văn B đã biết về việc khởi kiện. Về Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm, Toà án đã thông báo lên các phương tiện thông tin đại chúng phát ba lần, đăng báo ba lần theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Riêng bị đơn - người đại diện hợp pháp không có mặt là không chấp hành đúng quy định pháp luật, Toà án đã thông báo lên các phương tiện thông tin đại chúng phát ba lần, đăng báo ba lần theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt; việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 180, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Kiểm sát viên không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Do nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 112.422.709 đồng và tiền lãi cho đến ngày 26/7/2023 là 52.756.196 đồng, tổng cộng 165.178.905 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm lẻ năm đồng) là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị tuyên lãi suất chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ thoả thuận tại điểm 4.2, Điều 4 của hợp đồng kinh tế số 01012020/HĐTG-ĐNTP ngày 01/1/2020 giữa nguyên đơn là Công ty H (Gọi tắt là Công ty H) và bị đơn Công ty P (Gọi tắt là "Công ty P") về thoả thuận giải quyết tranh chấp tại nơi nguyên đơn cư trú, có trụ sở tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán của bị đơn nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 35, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; riêng bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn vắng mặt không có lý đo chính đáng. Căn cứ văn bản số 177/ĐKKD ngày 25/4/2023 và văn bản số 324/ĐKKD ngày 13/6/2023 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai

thì trụ sở bị đơn vẫn còn tại địa chỉ: Số V, khu phố 4, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Toà án đã thực hiện các phương thức tống đạt đầy đủ theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, căn cứ Điều 277, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

[4] Tại Bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2021 nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền mua bán hàng hóa còn nợ, như vậy, hai bên đã thống nhất về quan hệ mua bán tài sản, về đối chiếu công nợ và toàn bộ số tiền còn phải thanh toán, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Do bị đơn chậm thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn Công ty H yêu cầu bị đơn Công ty P thanh toán số tiền hàng còn lại là 112.422.709 đồng là có cơ sở. Về tiền lãi phát sinh theo Điều 306 Luật Thương mại 2005 có quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi cho đến ngày 26/7/2023 là 52.756.196 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 26/7/2023 là 165.178.905 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm lẻ năm đồng).

[5] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Công ty H đã tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty P phải hoàn lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho Công ty H.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty P phải chịu theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, 37, Điều 39, Điều 95, Điều 147, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 238, Điều 244, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 50, 55 Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại; Điều 306, Điều

357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cáo hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H đối với Công ty P về việc yêu cầu thanh toán số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H đối với Công ty P.

- Buộc Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc là 112.422.709 đồng (Một trăm mười hai triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng) và tiền lãi cho đến ngày 26/7/2023 là 52.756.196 đồng (năm mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng), tổng cộng 165.178.905 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm lẻ năm đồng).

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Công ty H đã tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nên bị đơn Công ty P phải hoàn lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho Công ty H.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty P phải chịu số tiền 8.258.945 đồng (Tám triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty H số tiền 4.679.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010179 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bồ Quốc Khánh **Đoàn Văn Lước** **Nguyễn Mạnh Hùng**